

Bản án số: 59/2021/HSST

Ngày: 01/10/2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huệ.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Mai Thị Bình

2. Bà Trịnh Thị Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên tòa:** Ông Mai Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Từ ngày 28/9/2021 đến ngày 01/10/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 42/2021/HSST ngày 19/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐXXST-HS ngày 09/8/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2021/HSST-QĐ, ngày 24/8/2021 và số 11/2021/HSST-QĐ, ngày 08/9/2021 đối với các bị cáo:

1/ Mai Văn T, sinh năm 1977; tại: xã Nga G, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Hanh Gia, xã Nga G, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn V, sinh năm 1952 và bà Mai Thị B, sinh năm 1952; vợ: Hà Thị H, sinh năm 1976; có 02 con: con lớn sinh năm 2001, con nhỏ sinh năm 2006; Tiền án; tiền sự: không; Nhân thân:

- Ngày 13/3/2013, bị TAND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng Cải tạo không giam giữ về tội “Đánh bạc”, tại bản án HSST số 10/2013; chấp hành xong hình phạt ngày 25/01/2014; nộp 200.000đ án phí ngày 10/7/2013; đương nhiên được xóa án tích ngày 26/01/2015.

- Ngày 08/9/2017, bị TAND huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội “Đánh bạc”, tại bản án HSST số 20/2017; chấp hành xong thời gian thử thách ngày 08/3/2019; nộp phạt bổ sung 3.000.000đ và 200.000đ án phí vào ngày 23/10/2017; đương nhiên được xóa án tích ngày 09/3/2020.

Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Nga Sơn từ ngày 08/12/2020 đến nay; Có mặt.

2/ Trần Thị M (tên gọi khác: L), sinh năm 1996; tại: thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Khu phố Nhuệ Sâm, thị trấn Rừng

Thông, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc D, sinh năm 1960 và bà Hồ Thị X, sinh năm 1964; chồng: Nguyễn Văn H (đã ly hôn); có 02 con: con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án; tiền sự: không;

Bị cáo bị bắt tạm ngày 27/11/2020, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa; Có mặt.

\* Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn T:

1/ Luật sư: Ông Nguyễn Thiện H - Sinh năm 1982.

2/ Luật sư: Ông Nguyễn Quang T - Sinh năm 1991.

Đều cùng địa chỉ: Phòng 1612, tòa nhà B6A, khu đô thị Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

(Quyết định về việc cử luật sư tham gia tố tụng, số 09/2021/QĐCLS-LVT, ngày 19/02/2021), (Có mặt).

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Phạm Văn Q - Sinh năm 1987; địa chỉ: thôn Hanh Gia, xã Nga Giáp, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt);

2/ Nguyễn Văn Q - Sinh năm 1994; địa chỉ: thôn Tri Thiện 3, xã Nga Thiện, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt);

3/ Nguyễn Thị H - Sinh năm 1975; địa chỉ: thôn Nam Thành, xã Nga Thành, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt);

\* Người làm chứng:

1/ Vũ Hùng D - Sinh năm 1993; địa chỉ: tiểu khu 2, thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt);

2/ Nguyễn Thị Thu H - Sinh năm 2002; địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn Tây Sơn, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (Vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung được tóm tắt như sau: Mai Văn T có hộ khẩu tại Thôn Hanh Gia, xã Nga Giáp, là lao động tự do, do công việc không ổn định. Để tăng thu nhập, T quản lý một số nhân viên nữ để phục vụ cho các quán hát Karaoke trên địa bàn huyện Nga Sơn; gồm có Trần Thị M (HKTT: thị trấn Rừng Thông, huyện Đông Sơn), Nguyễn Thị M (HKTT: Vân Diên, Nam Đàn, Nghệ An), Trương Thị Ng (HKTT: HKTT: Thạch Quảng, Thạch Thành, Thanh Hóa). T thuê phòng trọ tại thôn Hanh Gia, xã Nga Giáp để thường xuyên ở lại và để các nhân viên ăn nghỉ trong thời gian không đi làm.

T quen biết nhiều người trong đó có Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q, Vũ Hùng D, những người này thường xuyên đến chơi với T.

Khoảng giữa tháng 8/2020, trong một lần đi hát M được một người nam giới (không rõ tên, tuổi, địa chỉ) cho một gói ma túy loại Ketamine, được chế biến sẵn (đã

xào), bỏ trong túi nilon, vỏ ngoài của bao thuốc lá. Khi trở về nhà trọ, M cho T gói ma túy này. T nhận gói ma túy M đưa, bỏ vào túi quần của mình treo trong tủ quần áo tại phòng trọ, mục đích để sử dụng cá nhân.

Khoảng 20h 30 phút, ngày 24/8/2020, Nguyễn Văn Q, Vũ Hùng D đến phòng trọ của Mai Văn T chơi, nhìn thấy Mai Văn Q và Trần Thị M đứng nói chuyện trước cửa phòng trọ. Do đều là chỗ quen biết nhau, cả nhóm đã rủ đến nhà Q (ở Nga Giáp) chơi. Trong lúc mọi người ngồi chơi Q lên tầng 2 của gia đình lấy một ít ma túy (dạng cô) tự sử dụng, nhưng không ai biết. Sau đó, Q trở xuống ngồi nói chuyện với mọi người. Được một lúc, Q rủ những người có mặt đi hát Karaoke ở quán Newway (địa chỉ: thôn Nam Thành, xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa), cả nhóm đồng ý. Khi đi ra đến đầu ngõ, cả nhóm gặp Mai Văn T đang đi vào nên đã rủ T đi hát cùng. T đồng ý và điều khiển xe mô tô nhãn hiệu AIRBLADE chở theo Phạm Văn Q, Nguyễn Văn Q đến quán hát; Vũ Hùng D điều khiển xe mô tô (mượn của Q) chở Trần Thị M đến nhà nghỉ Vàng Anh (xã Nga Hải) để thanh toán tiền phòng nghỉ D thuê trước đó.

Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi đến quán Karaoke Newway, T, Q, Q thuê phòng Vip 1 để hát. Chị Nguyễn Thị H là người trực tiếp quản lý quán Newway, nhiệm vụ mở cửa phòng hát, chuẩn bị đồ uống cho khách, sau đó chị H đi nghỉ. Trong lúc hát Karaoke, Nguyễn Văn Q có ý định đi rút tiền trong tài khoản để thanh toán tiền hát nên đã lấy thẻ Ngân hàng BIDV để ra bàn. Đối với Phạm Văn Q, trước đó đã sử dụng ma túy (dạng cô), nên vẫn có phản phê thuốc. Dù không ai nói gì nhưng Q lấy ra tờ 10.000đ, cuộn thành ống hút hình trụ tròn, cố định hai đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá điều đặt lên mặt bàn. Đối với Vũ Hùng D, sau khi trả phòng nhà nghỉ Vàng Anh, D điều khiển xe mô tô chở M đến quán hát Newway, vào phòng Vip 1 và hát cùng mọi người trong phòng. Theo yêu cầu, Nguyễn Thị Thu H, nhân viên phục vụ quán hát đi vào phòng Vip 1 để phục vụ nhóm hát.

Trong lúc đang hát Karaoke ở phòng Vip 1, do có nhu cầu sử dụng ma túy và cũng muốn những người đang hát Karaoke với mình sử dụng ma túy, Mai Văn T nhớ đến gói ma túy (dạng Ke) mà M cho bị cáo thời gian trước đó. Do chưa sử dụng, T bỏ gói ma túy trong túi quần bò, để trong tủ quần áo tại phòng trọ. T nói với M về phòng trọ lấy gói ma túy, mang đến phòng hát cho T và những người đang hát Karaoke sử dụng. Nghe theo lời của T, M đi xe mô tô của T đi về phòng trọ tại thôn Hanh Gia, xã Nga Giáp lấy gói ma túy T cất trong túi quần, mang đến phòng hát Vip 1 quán Karaoke Newway. Khi mang ma túy đến phòng hát, M đưa gói “Ke” cho nhiều người nhưng không ai cầm nên M đưa cho Q, Q đặt gói “Ke” lên bàn của phòng hát. M đi tìm đĩa sứ, nhưng không thấy nên ra ngoài đi vệ sinh. Trong khi đang hát, Q thấy M đi tìm đĩa, không biết rõ mục đích M tìm đĩa làm gì, nghĩ là M tìm đĩa đựng hoa quả nên Q ra ngoài lấy 01 đĩa sứ hình bầu dục của quán mang vào phòng hát. Một người trong số những người có mặt tại phòng hát (chưa xác định người nào) đổ số “Ke” ra đĩa. Khi thấy số “Ke” đổ ra đĩa, Phạm Văn Q, Nguyễn Văn Q, Vũ Hùng D lần lượt sử dụng một phần số “Ke” trên đĩa, bằng cách dùng ống hút hít qua đường mũi. Trần Thị

M không sử dụng ma túy, khi thấy Nguyễn Thị Thu H có mặt trong phòng hát, M cầm đĩa chứa ma túy còn lại đến gần H hỏi “có chơi không”, H hiểu ý và đồng ý. M cầm đĩa ma túy đưa lên, H cầm ống hút hít một phần ma túy vào mũi. Sau đó, M đưa ma túy cho T sử dụng. Khi sử dụng ma túy xong, T và H ra khỏi phòng Vip 1, T và H ngồi ghế kê sát phòng hát, T nghe điện thoại, H nghe nhạc. Trong phòng hát, M nhìn thấy đĩa sứ không còn ma túy nên cầm đĩa mang ra để ở khu vực quầy tính tiền của quán hát rồi quay lại phòng hát.

Đến khoảng 0 giờ 30 phút, ngày 25/8/2021, Nguyễn Thị M, Trương Thị Ng sau khi phục vụ quán hát Karaoke về, Ng gọi điện thoại cho T, biết T đang hát ở quán Karaoke Newway nên cả hai đến quán hát này. Khi Ng và M đến thì việc sử dụng ma túy đã xong, nên cả hai tham gia hát cùng mọi người có mặt tại phòng hát Vip 1.

Đến 01 giờ cùng ngày, nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại quán hát Karaoke Newway, xã Nga Thành, khách hát quá giờ quy định và có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy. Lực lượng trinh sát phòng chống tội phạm về ma túy Công an huyện Nga Sơn phối hợp với Công an xã Nga Thành kiểm tra quán hát trên, tại phòng hát Vip 1 có Vũ Hùng D, Trần Thị M, Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q, Nguyễn Thị M, Trương Thị Ng; bên ngoài phòng hát có Mai Văn T, Nguyễn Thị Thu H. Qua kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện trên mặt ghế sofa (cạnh vị trí ngồi của D), dây ghế đối diện cửa ra vào phòng hát có 01 ông hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, hai đầu cố định bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá có bám dính chất màu trắng; trên bàn kính thứ hai trong phòng hát có 01 thẻ cứng màu vàng của Ngân hàng BIDV, trên thẻ có dòng chữ nổi “NGUYEN VAN QUAN”, có bám dính chất màu trắng, dưới gờ mép kính giữa bàn thứ nhất và bàn thứ hai có vỏ túi nilon, kích thước (2 x 2)cm. Mở rộng phạm vi kiểm tra, lực lượng chức năng phát hiện trên quầy tính tiền của quán hát có một đĩa sứ, màu trắng hình bầu dục, kích thước dài 18cm, trên đĩa có bám dính chất màu trắng. Toàn bộ số đồ vật trên được tạm giữ, niêm phong theo đúng quy định.

Cơ quan điều tra tạm thu giữ của Mai Văn T 01 điện thoại SAMSUNG, màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0963061456. Ngày 08/12/2020, tạm thu giữ của T 01 điện thoại SAMSUNG J7 màu vàng; 01 thẻ căn cước công dân; Trần Thị M 01 điện thoại Iphone 8, màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số 0961615385; Vũ Hùng D 01 điện thoại SAMSUNG, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0865363073; Phạm Văn Q 01 điện thoại Realme, màu xanh nước biển đã qua sử dụng gắn sim số 0379316586; Nguyễn Văn Q 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy A30, màu xanh nước biển đã qua sử dụng gắn sim số 0979170456; Nguyễn Thị Thu H 01 điện thoại Masstel, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0888676000; Nguyễn Thị M 01 điện thoại Iphone 6 Plus, màu trắng vàng đã qua sử dụng gắn sim số 0877098789; Trương Thị Ng 01 điện thoại SASUNG Galaxy A9s, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0393265428; để phục vụ cho công tác điều tra.

Theo Quyết định trung cầu giám định số 68/QĐ-CSĐT, ngày 27/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn quyết định trung cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa giám định:

- Chất bột màu trắng bám dính trên thẻ ngân hàng BIDV, in nổi “NGUYEN VAN QUAN” có phải là ma túy không? Nếu là ma túy thì là loại ma túy gì?, Có khối lượng bao nhiêu?;

- Chất bột màu trắng bám dính trên ống hút dạng hình trụ tròn được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, có định 02 đầu bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá có phải là ma túy không?, Nếu là ma túy thì là loại ma túy gì?, Có khối lượng bao nhiêu?;

- Chất bột màu nâu bám dính trên gói nilon kích thước khoảng (2 x2)cm có phải là ma túy không?, Nếu là ma túy thì là loại ma túy gì?, Có khối lượng bao nhiêu?;

- Chất bột màu trắng còn bám dính trên bề mặt đĩa sứ màu trắng, đường kính 18cm có phải là ma túy không?, Nếu là ma túy thì là loại ma túy gì?, Có khối lượng bao nhiêu?;

Tại bản kết luận giám định số 2346/PC09 ngày 01/9/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- Chất bột màu trắng bám dính trên 01 thẻ Ngân hàng BIDV của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng;

- Chất bột màu trắng bám dính trên một ống hút hình trụ tròn của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng;

- Chất bột màu nâu bám dính trên một vớ túi nilon có kích thước (2x2)cm của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại MDMA, không xác định được khối lượng;

- Chất bột màu trắng bám dính trên một đĩa sứ màu trắng của hộp catton niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, không xác định được khối lượng.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Nga Sơn đã thu giữ mẫu nước tiểu của những người tham gia hát Karaoke trong phòng Vip 1 quán Newway để giám định tìm chất ma túy. Tại bản kết luận giám định số 7430/C09-TT2 ngày 29/10/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine và Ketamine trong các mẫu chất lỏng màu vàng (nước tiểu) ghi thu của Mai Văn Tuấn (M1); Phạm Văn Quỳnh (M2); Nguyễn Văn Quân (M3) và Nguyễn Thị Mơ (M6) gửi giám định.

- Tìm thấy chất ma túy Methamphetamine, MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng (nước tiểu) ghi thu của Vũ Hùng Dương (M4) gửi giám định;

- Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu chất lỏng màu vàng (nước tiểu) ghi thu của Nguyễn Thị Thu Hiền (M5) gửi giám định;

- Không tìm thấy chất ma túy và sản phẩm chuyển hóa trong mẫu chất lỏng màu vàng (nước tiểu) ghi thu của Trần Thị Mến (M7) và Trương Thị Nga (M8) gửi giám định.

Quá trình điều tra, Trần Thị M thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với Mai Văn T, trước khi bị khởi tố đã khai nhận về việc nói M về phòng trọ lấy chất ma túy đem đến phòng hát Karaoke sử dụng; sau khi bị khởi tố Mai Văn T lại quanh co, không thừa nhận việc nói M lấy ma túy đem đến phòng hát và còn khai chất ma túy là của Vũ Hùng D, Phạm Văn Q mời bị cáo sử dụng ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành đối chất nhưng không đủ căn cứ chứng minh lời khai của Mai Văn T.

Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Mai Văn T và Trần Thị M, không xác định được khối lượng nên không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q, Vũ Hùng D tự lấy ma túy trên đĩa sứ để sử dụng và những người này cũng không mời ai. Khi Q làm ống hút, Q để thẻ Ngân hàng ra bàn, lấy đĩa sứ vào phòng hát đều hoàn toàn không biết có chất ma túy để sử dụng, không có ai chỉ huy để nói Q và Q làm việc này nên không đồng phạm với Mai Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Ngày 18/6/2021, Công an huyện Nga Sơn đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy đối với Nguyễn Văn Q, Phạm Văn Q, Vũ Hùng D và Nguyễn Thị Thu H.

Đối với Nguyễn Thị M, kết luận giám định tìm thấy chất ma túy Methamphetamine và Ketamine trong mẫu nước tiểu là do Mơ sử dụng ma túy những ngày trước đó khi phục vụ hát ở nơi khác, Mơ không sử dụng ma túy tại phòng Vip 1 quán Newway.

Đối với túi nilon kích thước (2x2)cm thu giữ tại phòng hát Vip 1, kết luận giám định có bám dính chất ma túy MDMA, nhưng không ai trong phòng sử dụng ma túy MDMA, không đủ căn cứ chứng minh nguồn gốc chiếc túi nilon liên quan đến những người trong phòng hát tối ngày 24, rạng ngày 25/8/2020.

Đối với Nguyễn Thị H là người trực tiếp cho thuê phòng hát Karaoke tại quán Newway tối ngày 24/8/2020, H không biết việc T và mọi người sử dụng trái phép chất ma túy trong phòng hát, đã bị xử phạt vi phạm hành chính đối với cơ sở kinh doanh Karaoke theo quy định.

\* Về tài sản, đồ vật thu giữ của các bị cáo và người liên quan: do không liên quan đến vụ án:

- Ngày 18/3/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã trả lại cho Trần Thị M 01 điện thoại Iphone 8, màu trắng, đã qua sử dụng gắn sim số 0961615385 (do bà Hồ Thị Xuân nhận thay); Trả lại cho Vũ Hùng D 01 điện thoại SAMSUNG, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0865363073; Trả lại cho Nguyễn Văn Q 01 điện thoại SAMSUNG Galaxy A30, màu xanh nước biển đã qua sử dụng gắn sim số 0979170456; Trả lại cho Nguyễn Thị Thu H 01 điện thoại Masstel, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0888676000;

- Ngày 10/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã trả lại cho Mai Văn T 01 điện thoại SAMSUNG, màu đen, đã qua sử dụng, gắn sim số 0963061456; 01 điện thoại SAMSUNG J7 màu vàng; 01 thẻ căn cước công dân (bà

Mai Thị B nhận thay); Trả lại cho Phạm Văn Q 01 điện thoại Realme, màu xanh nước biển đã qua sử dụng gắn sim số 0379316586;

- Ngày 17/6/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn đã trả lại cho Nguyễn Thị M 01 điện thoại Iphone 6 Plus, màu trắng vàng đã qua sử dụng gắn sim số 0877098789; Trả lại cho Trương Thị Ng 01 điện thoại SASUNG Galaxy A9s, màu đen đã qua sử dụng gắn sim số 0393265428.

Vật chứng vụ án: 01 ống hút hình trụ tròn cổ định bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá được cuốn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ; 01 thẻ Ngân hàng BIDV in chữ nổi NGUYEN VAN QUAN; 01 đĩa sứ màu trắng có chiều dài đường kính 18cm; 01 vỏ túi nilon kích thước (2x2)cm và toàn bộ vỏ bao bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Mạnh và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, đang được bảo quản chờ xử lý theo quy định.

Ngày 24/8/2021, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử. Do bị cáo Trần Thị M; luật sư ông Nguyễn Thiện H; ông Nguyễn Quang T vắng mặt có lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 290; khoản 1 Điều 291 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 08/9/2021, Tòa án đưa vụ án ra xét xử lần 2, do thời gian này huyện Nga Sơn đang thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTG, ngày 31/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch Covid, nên Hội thẩm nhân dân; Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng trong vụ án không thể có mặt tại phiên tòa được vì lý do trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 1 Điều 288; khoản 1 Điều 289; khoản 1 Điều 290; khoản 1 Điều 291; Điều 292; Điều 293 và Điều 299 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa.

Ngày 28/9/2021, Tòa án đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn T trình bày: tối ngày 24/8/2021 (bị cáo không nhớ giờ), đã đồng ý cùng Q, Q, D, M đi hát tại quán hát Newway. Đến quán hát mọi người vào phòng hát. Bị cáo vào sau, thấy D đổ ma túy ra đĩa, còn M bê đĩa sứ có ma túy (ke) mời mọi người. Bị cáo sử dụng 2 lượt rồi ra ngoài nghe điện thoại, sau đó lại trở vào phòng hát. Do Nguyễn Văn Q nợ bị cáo tiền, bị cáo bảo Q trả tiền cho bị cáo là 1.500.000đ, Q mượn tiền của M. Bị cáo nhờ M mang tiền về nhà trọ đưa cho người tên H, không nói M về phòng trọ để lấy ma túy nên bị cáo không biết ma túy ở đâu mà có, ai vạch chỉ ma túy trên đĩa, ai cuộn ống hút. Tuy nhiên, bị cáo nhận thấy việc sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo. Đối với các lời khai, bản tự khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, bị cáo trình bày: Nguồn gốc ma túy đó là do trước thời gian đi hát khoảng 3 ngày, M đi hát về có đưa cho bị cáo một gói ma túy dạng ke, do không sử dụng bị cáo cất vào túi quần để trong tủ quần áo phòng trọ. Khi đi hát tại quán Newway, bị cáo có nói M về lấy ma túy đó mang ra quán cho mọi người sử dụng. Các biên bản trên bị cáo là người trực tiếp viết, ký tên; về các biên bản lấy lời khai bị cáo được điều tra viên hỏi và trả lời, nội dung được ghi trong biên bản, bị cáo đã đọc và ký tên công nhận nội dung là đúng. Tuy nhiên, bị cáo

nghĩ hành vi mình sai sẽ bị xử phạt hành chính nên đã nhận. Nay bị cáo bị truy tố về tội sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo thấy rằng đã nhận tội thay cho một số người nên đề nghị được xem xét.

Đối với Trần Thị M vẫn giữ nguyên nội dung như đã trình bày tại cơ quan điều tra về nguồn gốc số ma túy do M được một người cho trong lần đi hát, M mang về nhà trọ đưa cho T, không biết T cất ở đâu. Đêm 24/8/2020, Q, Q, D, T và bị cáo đi hát tại quán Newway. Đến quán hát, chừng 10 đến 15 phút, T nói bị cáo về phòng trọ lấy ma túy để trong túi quần tại phòng trọ mang ra quán cho mọi người sử dụng. Bị cáo đồng ý đi về phòng trọ lấy ma túy, khoảng 15 phút, bị cáo quay trở lại, có đưa túi ma túy cho mọi người trong phòng, không ai cầm, cuối cùng bị cáo đưa cho Q và Q để trên bàn. Sau đó, bị cáo ra ngoài, khi vào đã thấy ma túy đã được ai đó đổ ra đĩa sứ. Bị cáo có cầm đĩa sứ mời T và H (nhân viên quán) sử dụng. Về thẻ và ống hút được cuộn tròn để trên đĩa, bị cáo không biết; về số tiền Q nợ T bị cáo không biết, Q hỏi bị cáo cho Q vay tiền để đưa cho T; bị cáo không mang tiền về nhà trọ đưa cho ai tên là H như T trình bày.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Thị H (là chủ quán) trình bày về thời gian những người có tên trên đến quán thuê phòng Vip 1 để hát, chị đồng ý mở phòng hát và còn đồ ăn, uống có sẵn trên bàn. Sau khi khách trả phòng sẽ có nhân viên vào kiểm đếm tính tiền. Sự việc sau đó ai vào ra, làm gì chị không được biết; Đối với Nguyễn Văn Q đồng ý về ngày tham gia đi hát cùng T, M, D, Q. Trước khi đến quán hát, anh đã có sử dụng bia. Đến quán hát, trong quá trình hát anh đã để điện thoại cùng thẻ BIDV trên bàn, mục đích là thanh toán tiền hát và rút tiền để trả nợ cho T; quá trình hát ai sử dụng thẻ để kẻ vạch ke anh không biết; nguồn gốc số ma túy do đâu mà có anh không biết, không biết ai làm ống hút; về đĩa sứ do anh cầm vào vì trước đó thấy M đi tìm, nghĩ để đựng hoa quả nên anh mang vào để trên bàn của phòng hát, ai là người đổ ma túy ra đĩa và vào thời gian nào anh không để ý vì hôm đó anh cũng uống bia nhiều và lại tiếp tục hát nên không biết rõ. Về số tiền nợ T, anh vay của M và đưa trực tiếp cho T, còn việc T nhờ M như thế nào anh không biết.

Đối với người làm chứng Vũ Hùng D trình bày: M kể cho D biết nguồn gốc số ma túy có trong phòng hát là do M (tức L) trước đó ít ngày đi hát được một người cho, mang về phòng trọ đưa cho T. Thời điểm cả nhóm đi hát, đến quán hát chừng 15 phút, do quán ồn ào nhưng anh và M ngồi gần sát nhau, anh nghe T nói M về phòng trọ lấy gói ma túy cất trong tủ quần áo phòng trọ mang ra quán hát. M đồng ý đi, khoảng 15 phút M quay lại do anh ngồi chơi game nên không để ý ai là người đổ ma túy ra đĩa, ai làm ống hút, ai dùng thẻ để kẻ vạch ma túy, anh có tham gia sử dụng ma túy 01 lần rồi lại tiếp tục ngồi chơi game. T nói ma túy trên đĩa là của anh lấy từ túi quần ra là không đúng.

Về các vấn đề trình bày của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Nga Sơn vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với Mai Văn T, Trần Thị M theo cáo trạng số 48/CT-VKSNS

ngày 15/7/2021 về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự và đề nghị HĐXX áp dụng:

- Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 07 năm 06 tháng đến 08 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 08/12/2020;

- Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị M từ 07 năm đến 7 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 27/11/2020.

\* Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 255 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo.

\* Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000đ; Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng BIDV in nổi NGUYEN VAN QUAN; 01 đĩa sứ màu trắng có chiều dài đường kính 18cm; 01 vỏ túi nilon kích thước (2x2)cm và toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong. Tất cả đựng trong hộp giấy, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Mạnh và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

\* *Luật sư bào chữa cho bị cáo Mai Văn T (Ông H, ông T) có các quan điểm như sau:*

- Các Luật sư không đồng tình về tội danh theo cáo trạng số 48/CT-VKSND, ngày 15/7/2021, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn truy tố bị cáo Mai Văn T, Trần Thị M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự, vì lý do: Bị cáo T không có mục đích từ đầu rủ Q, Q, D, M đi hát karaoke và sử dụng ma túy. Tại phiên tòa, bị cáo trình bày là bị động bị những người trên rủ đi hát. Trong quá trình hát, bị cáo không có sự phân công, điều hành, không bàn bạc gì về việc sử dụng ma túy, không chuẩn bị địa điểm phạm tội, không tổ chức, không rủ rê ai để sử dụng trái phép chất ma túy. Về nguồn gốc số ma túy có được tại quán hát: Tại phiên tòa cũng như tài liệu trong hồ sơ, M nói T giao cho M về nhà trọ để lấy ma túy trong tủ quần áo T cất trước đó mang ra quán hát, nhưng bị cáo T phủ nhận không nhờ M về lấy ma túy mà T nhờ M mang tiền về phòng trọ để trả tiền cho người tên H (chị gái M, người làm việc cho T). Lời khai giữa T và M còn mâu thuẫn: M trình bày, T nói về lấy túi đồ, chứ không nói lấy ma túy, tự M hiểu và cho rằng bị cáo T nói là lấy ma túy;

- Trong vụ án này việc xác định Nguyễn Văn Q; Phạm Văn Q với tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không đúng; phải xác định hai người trên tham gia tư cách tố tụng là người làm chứng trong vụ án thì mới đánh giá chính xác tính khách quan của vụ án;

- Có hay không sự vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng không đối chất giữa T và Q, để làm sáng rõ việc có bỏ lọt tội phạm hay không?

- Về nguồn gốc số ma túy có được tại phòng hát do đâu mà có, không được làm rõ?

- Tại phiên tòa, bị cáo Tuấn trình bày nhờ M mang tiền về trả cho H? Việc trả nợ có hay không, chưa được làm rõ. Đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa.

- Thẻ ngân hàng BIDV là của ai? Chưa làm rõ số tiền trong tài khoản đó có đủ để trả nợ hay không, hay vì mục đích khác mang ra để chia số ma túy trên đĩa sù tại phòng hát;

- Số tiền 10.000đ (polime) được cuộn làm ống hút là của ai? Mục đích làm để làm gì?

Từ những ý kiến trên các luật sư đề nghị HĐXX tuyên bị cáo T vô tội; nếu không tuyên bị cáo T vô tội thì yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung các vấn đề nêu trên để làm sáng tỏ vụ án. Trường hợp các vấn đề được làm sáng tỏ, nếu bị cáo T có căn cứ phạm tội như cáo trạng truy tố thì về hình phạt VKSND đề nghị HĐXX xem xét như thể luật sư cho rằng mức hình phạt như vậy là nhẹ cho bị cáo, nhưng vấn đề đặt ra là bị cáo T đang kêu oan.

Bị cáo Mai Văn T biết việc sử dụng trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật, bị cáo không tranh luận với quan điểm của VKS mà đồng ý cho 02 luật sư tham gia tranh luận cho bị cáo, ý kiến của bị cáo đồng tình như ý kiến luật sư về việc đề nghị HĐXX xem xét trả hồ sơ để điều tra bổ sung; bị cáo Trần Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với VKS; bị cáo M đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, bị cáo Mai Văn T không thừa nhận hành vi “tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” cho mọi người trong phòng hát như nội dung cáo trạng của VKSND huyện Nga Sơn đã truy tố đối với bị cáo. Số ma túy đó là của Vũ Hùng D, bị cáo thấy D lấy từ trong túi quần mang ra cho mọi người sử dụng tại phòng hát, trong đó có bị cáo. Bị cáo đi hát là do mọi người rủ đi trong thể bị động. Về thời gian khi cùng nhóm đến quán hát vào tối ngày 24/8/2020, bị cáo không có ý kiến gì. Tại quán hát, bị cáo có đưa chìa khóa xe máy của mình để nhờ M mang tiền về nhà trọ trả cho người tên H. Ngoài ra, bị cáo không yêu cầu M lấy số ma túy mang đến quán hát, không chuẩn bị địa điểm, không biết ai cuộn ống hút, ai đổ ma túy ra đĩa, ai sử dụng thẻ của Q để kẻ vạch ke. Bị cáo đồng ý tại giai đoạn điều tra đã trình bày nguồn gốc gói ma túy dạng “ke” là của M cho bị cáo, bị cáo cất ở túi quần tại phòng trọ. Lời khai, lời trình bày của bị cáo và có ký tên vào các biên bản tại cơ quan điều tra do bị cáo nhận thức về việc có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên đã nhận để được xem xét xử để xử lý hành chính theo quy định.

Đối với bị cáo Trần Thị M, tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như đã trình bày tại cơ quan điều tra.

Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nguyễn Văn Q, Nguyễn Thị H), người làm chứng Vũ Hùng D thống nhất về lời khai như đã trình bày.

Về tang vật vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn thu giữ toàn bộ số vật chứng liên quan, gồm: 01 ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000đ, hai đầu cố định bằng vỏ đầu lọc điều thuốc lá có bám dính chất màu trắng; 01 thẻ cứng màu vàng của Ngân hàng BIDV, trên thẻ có dòng chữ nổi “NGUYEN VAN QUAN”, có bám dính chất màu trắng, dưới gờ mép kính giữa bàn thứ nhất; vỏ túi nilon, kích thước (2 x 2)cm; một đĩa sứ, màu trắng hình bầu dục, kích thước dài 18cm, trên đĩa có bám dính chất màu trắng.

Lời khai của bị cáo T tại phiên tòa hôm nay không thống nhất như một số lời khai tại cơ quan điều tra, cũng như các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Tuy nhiên, bị cáo T trình bày không nhớ những nội dung vụ việc vì thời gian đã lâu, không yêu cầu công bố lời khai tại giai đoạn điều tra. Ngoài ra, bị cáo T trình bày có đưa chìa khóa nhờ M về phòng trọ trả tiền cho người tên H chứ không có nói M về phòng trọ lấy ma túy gì. Theo bị cáo T thì M được T nhờ mang tiền về cho H, nhưng bị cáo M khẳng định không có việc trả nợ như T trình bày mà là nói M về phòng trọ để lấy số ma túy đã được M cho từ trước, T cất trong tủ để M mang ra quán hát. Việc xác định có hay không việc trả nợ tiền cho người tên H với số tiền nêu trên, được T trình bày tại phiên tòa đây không phải là tình tiết mới phát sinh. Việc trả tiền hay không tồn tại là một giao dịch dân sự, không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo. Về việc vay và trả nợ số tiền 1.500.000đ cho người tên H, trong quá trình điều tra, bị cáo T không có ý kiến gì, tại phần xét hỏi bị cáo trình bày về việc nhờ M trả nợ như nội dung nêu trên. Mặt khác, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu trích dẫn nhật ký điện thoại Tuấn gọi đi và được nhận các cuộc điện thoại gọi đến trong ngày 24/8/2020, có tổng 19 cuộc điện thoại thì không thể hiện số điện thoại nào có tên H. Theo lời trình bày của bị cáo, trước khi đến quán giữa H và bị cáo có gọi điện hẹn khoảng ít phút sau có người mang tiền về nhà trọ. Tuy nhiên, thời điểm các bên đến quán hát thì khoảng 22 giờ đêm ngày 24/8/2020. Việc giao dịch của T với người tên H nếu được thực hiện phải là trước thời gian đến quán hát. Nhưng nhật ký điện thoại không thể hiện có người tên H. Ngoài ra, có 03 cuộc điện thoại không xác định được tên, cụ thể: cuộc gọi đến từ số 0981709489 vào lúc 23h24p, 10 giây; 02 cuộc gọi đi, gồm số 0378287678 vào lúc 22h35p, không giây và số 09673458898, vào lúc 22h43p, không giây. Do đó, lời trình bày của bị cáo tại phiên tòa về việc M cầm tiền về trả cho H là không có căn cứ xem xét.

Về nguồn gốc gói ma túy: Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai các ngày 25/8/2020; 28/8/2020; 23/9/2020, bị cáo T đều khai nhận nguồn gốc gói ma túy được sử dụng tại phòng hát tối ngày 24/8/2020 là của T, được M cho trước đó ít ngày và T đã nói M về phòng trọ lấy túi ma túy đó đem đến phòng hát để sử dụng. Các lời khai đó của T phù hợp với các lời khai của M về nguồn gốc, loại ma túy dạng “ke”, đặc

điểm gói ma túy (được bỏ trong túi nilon vỏ bao thuốc lá) cũng như về thời gian Mến rời khỏi phòng hát để về lấy ma túy do T yêu cầu; lời khai của người làm chứng, cũng như trùng khớp về thời điểm sau khi M trở lại phòng hát mới có ma túy để mọi người trong phòng hát sử dụng. Việc xác định nguồn gốc ma túy như vậy đã có đủ chứng cứ chứng minh là của T, T nói M về lấy tại phòng trọ đem đến phòng hát. Sau khi bị khởi tố và tại phiên tòa, bị cáo T thay đổi lời khai, cho rằng khi vào phòng hát T thấy D lấy gói ma túy trong túi quần đổ ra đĩa. Tuy nhiên, trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa D khẳng định lời khai của T là không đúng sự thật. Xét việc T thay đổi lời khai nói nguồn gốc ma túy là của D, chỉ có duy nhất lời khai của T, không có chứng cứ khác chứng minh nên không đủ căn cứ kết luận.

Đối với bị cáo M thống nhất các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai người làm chứng D trình bày và thống nhất với lời khai của những người liên quan, về địa điểm, thời gian, tham gia hát tại quán cũng như các vật chứng thu giữ và những chứng cứ khác thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Mặt khác, đối với thẻ BIDV của Q và ống hút được làm từ đồng tiền polime, mệnh giá 10.000đ của Q, những người liên quan đều trình bày là Q để thẻ cùng điện thoại trên bàn khi vào quán hát, Quỳnh do thói quen và vẫn còn trong tình trạng không tỉnh táo do sử dụng ma túy (loại cỏ) tại nhà nên đã cuộn ống hút, không ai xúi dục, phân công, để chuẩn bị dụng cụ sử dụng ma túy. Ngoài ra, T, D, M đều không biết ai sử dụng thẻ để vạch ke, ai cuộn ống hút vì mục đích gì, không ai xác định thời điểm Q đặt thẻ lên bàn tại quán hát, Q làm ống hút có sau thời điểm đã có ma túy, nên không có căn cứ xác định Q, Q là đồng phạm trong vụ án này.

Như vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố các bị cáo Mai Văn T, Trần Thị M về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 255 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ phạm tội: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng. Hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy, gây nhiều tác hại khôn lường về sức khỏe, đạo đức, lối sống, kinh tế cho con người. Các bị cáo nhận thức rõ việc làm của mình là nguy hiểm nhưng các bị cáo vẫn tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Vì vậy, cần có đường lối xử lý nghiêm đối với các bị cáo nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

[3] Xét vị trí, vai trò của các bị cáo: Đây là vụ án với vai trò là đồng phạm giản đơn. Mai Văn Tuấn giữ vai trò thứ nhất trong vụ án, bởi T là người chủ động điều hành M về lấy ma túy mang đến địa điểm quán hát Karaoke để cho mọi người thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo M tuy là người trực tiếp về lấy ma túy T cất trong tủ quần áo tại phòng trọ do T yêu cầu, để đem đến quán hát cho mọi người trong phòng hát sử dụng nên giữ vai trò thứ yếu trong vụ án. Do đó, bị cáo T phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo M.

[4] Hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 5 Điều 255 của BLHS đối với các bị cáo.

[5] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: Bị cáo T có nhân thân xấu, bị Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa xét xử về tội “Đánh bạc” vào năm 2013 và 2017, bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng và rèn luyện bản thân mà lại có hành vi phạm tội.

Bị cáo M có nhân thân tốt.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị cáo T trình bày không nhớ những lời đã trình bày trước đó do thời gian đã lâu. Tuy nhiên, khi công bố lời khai của bị cáo trong hồ sơ trình chiếu tài liệu được số hóa, bị cáo T thừa nhận những lời khai của T trước khi khởi tố vụ án là do T tự viết, không ai ép buộc, đồng thời T khai đúng sự thật. Việc bị cáo thay đổi lời khai, quanh co chối tội về nguồn gốc ma túy được sử dụng trong quán hát là nhằm gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử. Tuy nhiên, căn cứ lời trình bày của bị cáo có tại hồ sơ, bị cáo đã thừa nhận về nguồn gốc số ma túy đó là của bị cáo, lời khai này của T phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập đúng quy định của pháp luật nên được xem là nguồn chứng cứ quan trọng để xác định hành vi phạm tội của bị cáo. Do bị cáo không có thái độ thành khẩn khai báo nên tại phiên tòa bị cáo không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS;

Đối với bị cáo M có thái độ thành khẩn khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa; có ông ngoại là Hồ Thiện Khế được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[6] Xét đề nghị của các luật sư bào chữa cho bị cáo Tuấn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

- Về tuyên bị cáo T vô tội là không có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: bị cáo đã tự trình bày các bản tự khai cũng như các biên bản lấy lời khai về nguồn gốc ma túy có ở phòng hát do T được M cho trước đó nhưng bị cáo chưa sử dụng. Tại quán hát, bị cáo nói M về lấy ma túy đó ra quán cho mọi người sử dụng. Tại phiên tòa, bị cáo T không thừa nhận nguồn gốc số ma túy đó là của bị cáo được M cho trước đó mà chỉ thừa nhận có hành vi vi phạm pháp luật về việc sử dụng trái phép chất ma túy. Số ma túy được sử dụng tại phòng hát bị cáo Tuấn cho rằng là của Vũ Hùng D nhưng lời khai của bị cáo là duy nhất, không có chứng cứ nào khác, nên việc thay đổi lời khai của bị cáo T là không có căn cứ chấp nhận.

- Về yêu cầu trả hồ sơ để điều tra bổ sung, các vấn đề:

+ Xác định lại Thẻ ngân hàng BIDV là của ai? Chưa làm rõ số tiền trong tài khoản đó có đủ để trả nợ hay không, hay vì mục đích khác mang ra để chia số ma túy

trên đĩa sứ tại phòng hát: Xét thấy tại các lời khai của Nguyễn Văn Q khẳng định chủ thẻ là của Nguyễn Văn Q. Được Q rút ra cùng điện thoại để trên bàn trước khi vào quán hát. Mục đích để đi rút tiền thanh toán tiền hát và trả nợ. Thời điểm Q đặt thẻ như Q trình bày là ngay sau khi vào phòng hát, không ai nói với Q về việc có ma túy và chuẩn bị công cụ để sử dụng ma túy. Thời điểm M đi ra ngoài có T, D biết. Quá trình hát T, Q, D, M đều ở phòng hát, T có đi ra, vào nghe điện thoại. T, Q, Q, D đều sử dụng ma túy trên đĩa sứ nhưng không ai biết người nào đó đã dùng thẻ để vạch đường chỉ trên đĩa ma túy. Vì vậy, việc xác định Q đem thẻ ra vì mục đích là để sử dụng cho việc dùng số ma túy trên là hoàn toàn không có căn cứ. Về việc làm rõ số tiền trong tài khoản của Q là không cần thiết, bởi lẽ không ai biết thời điểm Q để thẻ trên bàn là vào thời điểm khi vào quán hát hay khi M mang ma túy đến phòng hát. Do đó, không có căn cứ xác định Q sử dụng thẻ BIDV của mình vào mục đích là chuẩn bị công cụ phạm tội nên Q không phải là đồng phạm trong vụ án. Mặt khác, trên thẻ có chất bám dính chất màu trắng, nên đã được niêm phong thẻ đó để xử lý theo quy định.

+ Số tiền 10.000đ (polime) được cuộn làm ống hút là của ai? Mục đích làm để làm gì? Tại lời khai của Q trình bày do thói quen, trước khi vào phòng hát, bản thân Q còn trong trạng thái còn ảo giác do đã dùng ma túy loại (cỏ) tại nhà trước đó nên tự Q lấy tờ tiền của mình ve thành ống hút, thời điểm này M chưa rời quán hát để lấy ma túy mang đến quán hát. Q làm xong, bỏ ống hút lên bàn. Khi Q làm ống hút không ai nói Q về việc sử dụng ma túy và yêu cầu làm ống hút để sử dụng ma túy. Tất cả T, Q, M, D đều có mặt nhưng không ai biết việc Q làm ống hút. Vì vậy, số tiền trên xác định là của Q và không có căn cứ xác định Q có ý định chuẩn bị công cụ phạm tội nên Q không phải là đồng phạm trong vụ án. Mặt khác, ống hút được cuộn tròn, hai đầu cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá có bám dính chất màu trắng nên đã được niêm phong để xử lý theo quy định.

+ Về xác định tư cách tố tụng của Q và Q trong vụ án: Luật sư cho rằng phải xác định Q và Q với hai tư cách tố tụng là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và là Người làm chứng trong vụ án mới chính xác. Xét yêu cầu của luật sư, HĐXX thấy rằng việc xác định Q và Q là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng tư cách tố tụng. Bởi lẽ: Tài sản của cá nhân bị thu giữ đang bảo quản chờ xử lý theo quy định, đó là tờ tiền mệnh giá 10.000đ của Q và 01 thẻ BIDV của Q, nên việc xác định Q, Q tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì ngoài việc trình bày về tài sản liên quan đang bị thu giữ thì Q và Q đều phải trình bày về những nội dung liên quan đến vụ việc mà Q, Q biết rõ. Không thể nói rằng tư cách tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì chỉ được trình bày trong phạm vi liên quan đến tài sản thu giữ; còn những tình tiết khác liên quan đến vụ án được biết thì không được trình bày trong phần tư cách tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mà phải trình bày sang phần của người làm chứng thì mới đánh giá tính khách quan của vụ án. Do đó, việc xác định Q, Q với hai tư cách tố tụng như luật sư yêu cầu là không phù hợp.

+ Luật sư cho rằng có hay không việc bỏ lọt tội phạm: Xét thấy quá trình lấy lời khai, tự khai của các bị cáo và những người liên quan thì T và M đã thống nhất về nguồn gốc số ma túy. T khai nói M về lấy ma túy, vị trí cất giấu ma túy, đặc điểm gói ma túy phù hợp với lời khai của bị cáo M. Sau khi, bị cáo Tuấn có thay đổi lời khai cho rằng số ma túy đó là của D nhưng việc thay đổi lời khai của T là không có căn cứ vì không có chứng cứ nào khác chứng minh. Mặt khác, tiến hành đối chất giữa D và T, T và Q, không có căn cứ xác định Q và Q là đồng phạm trong vụ án.

+ Luật sư cho rằng T không có sự phân công, điều hành, không bàn bạc gì về việc sử dụng ma túy, không chuẩn bị địa điểm phạm tội, không tổ chức, không rủ rê ai để sử dụng trái phép chất ma túy. HĐXX thấy rằng, có đủ căn cứ xác định nguồn gốc gói ma túy đó là do M đưa cho T từ trước, được T cất trong phòng trọ. Khi cần sử dụng tại quán hát, T là người nói M về phòng trọ lấy ma túy để mang ra quán cho mọi người sử dụng. Như vậy hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của T được hiểu là thực hiện một trong các hành vi đó là: điều hành con người (cụ thể là M); cung cấp ma túy (T có được từ trước) để thực hiện sử dụng trái phép chất ma túy tại quán hát đêm 24/8/2020 là có căn cứ.

Từ những căn cứ và phân tích trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu của Luật sư về việc đề nghị trả hồ sơ để điều tra bổ sung vụ án.

[7] Từ những đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội thời gian dài mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo thành công dân biết chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, HĐXX xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, là thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[8] Về xử lý vật chứng: Cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 10.000đ; Tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ ngân hàng BIDV in nổi NGUYEN VAN QUAN; 01 đĩa sứ màu trắng có chiều dài đường kính 18cm; 01 vỏ túi nilon kích thước (2x2)cm và toàn bộ vỏ bao gói mở niêm phong. Tất cả đựng trong hộp giấy, được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Mạnh và các hình dấu của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

[9] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục và căn cứ theo quy định tại các Điều 37; Điều 42 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Về án phí: Bị cáo Mai Văn T, Trần Thị M phải nộp tiền án phí HSST theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ vào: Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự đối với Mai Văn T.

- Điểm b khoản 2 Điều 255; Điều 17; Điều 58; Điều 38; điểm s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với Trần Thị M.

\* Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn T, Trần Thị M (tên gọi khác L) phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

\* Xử phạt: Bị cáo Mai Văn T 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (08/12/2020).

Bị cáo Trần Thị M 07 (Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam (27/11/2020).

\* Xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu tiêu hủy, gồm: 01 hộp giấy bên trong chứa toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; 01 thẻ ngân hàng BIDV in nổi NGUYEN VAN QUAN; 01 vỏ nilon, kích thước khoảng (2x2)cm; 01 đĩa sứ màu trắng có chiều dài đường kính 18 cm, bên ngoài hộp giấy được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký có ghi rõ tên Nguyễn Trần Đăng, Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Nguyễn Văn Mạnh và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa;

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16/7/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nga Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa).

\* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 và danh mục án phí, lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: buộc bị cáo Mai Văn Tuấn, Trần Thị Mến, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST.

\* Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 BLTTHS, các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Quân, Hương) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Quỳnh, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Nga Sơn;
- Công an huyện Nga Sơn;
- Trại tạm giam CA tỉnh TH;
- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Phòng GD-KT Toà án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Huệ**

